

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2018/DS-ST

Ngày: 30-11-2018

*V/v: “Tranh chấp đòi lại tài sản và yêu cầu
bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Anh Thư

2. Bà Lê Thị Thu Toàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2018/TLST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp “Đòi lại tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 257/2018/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Trọng S; địa chỉ: Số 131/39, đường H, Phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hồ Ngọc P; địa chỉ: Tổ 04, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo văn bản ủy quyền ngày 07-4-2018).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Như T, ông Trương Quang P; cùng địa chỉ: Tổ 14, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Ông P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà T, ông P vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04-4-2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 23-4-2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Trọng S và người đại diện theo ủy quyền của ông S trình bày:

Ông S và vợ chồng bà Nguyễn Như T, ông Trương Quang P là chỗ bạn bè khi còn học phổ thông. Vì ông S là người tàn tật và phải đi làm ăn ở Thành phố Hồ Chí Minh nên việc đi lại để làm thủ tục tách thửa đất và xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà đối với căn nhà số 131/39 H, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi gặp khó khăn. Vì tin

tưởng bà T nên ông S đã gửi tiền về cho bà T nhiều lần để nhờ bà T làm giúp các công việc trên. Ngoài ra, ông S còn gửi tiền cho bà T để nhờ mua 01 lô đất giá 165.000.000đồng nhưng bà T không thực hiện các công việc mà ông S yêu cầu. Do đó, ông S đã tố cáo hành vi của bà Nguyễn Như T đến Công an thành phố Q. Tại biên bản giải quyết của Công an thành phố Q, bà T thừa nhận có nhận của ông S 250.000.000đồng, bà T đã trả cho ông S 50.000.000đồng và còn nợ ông 200.000.000đồng. Nay ông S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Như T, ông Trương Quang P phải trả lại cho ông số tiền 218.000.000đồng, trong đó: Tiền gốc là 200.000.000đồng, tiền lãi là 18.000.000đồng. Yêu cầu bà T và ông P tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất là 0,75%/tháng cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 15-6-2016 ông S trình bày: Vào ngày 15-6-2018, bà Nguyễn Như T đã trả cho ông 30.000.000đồng (do Công an thành phố Quảng Ngãi giao). Do đó, ông S thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Như T, ông Trương Quang P trả cho ông số tiền gốc là 170.000.000đồng và 18.000.000đồng tiền lãi.

Tại bản tự khai ngày 08-5-2018, bị đơn bà Nguyễn Như T trình bày:

Bà thừa nhận có nhận số tiền 250.000.000đồng của ông Lê Trọng S. Nguồn gốc số tiền trên là ông S đưa cho bà để nhờ bà mua đất nhưng bà không mua được vì bà cũng nhờ qua trung gian nhưng bà là người đứng ra nhận tiền của ông S, khi đưa tiền cho người bà nhờ thì không có chứng từ nên bà chấp nhận trả số tiền trên cho ông S. Tuy nhiên, khi Công an mời làm việc thì bà đã đưa cho ông S 80.000.000đồng nên chỉ còn nợ ông S 170.000.000đồng. Toàn bộ số tiền trên không có liên quan gì đến chồng của bà là ông Trương Quang P. Nay, bà đồng ý trả cho ông S 170.000.000đồng tiền gốc và 18.000.000đồng tiền lãi.

Tại đơn trình bày ngày 21-6-2018, bị đơn ông Trương Quang P trình bày:

Việc ông Lê Trọng S nhờ bà Nguyễn Như T làm giấy tờ đất và chuyển giao tiền bạc cho bà T ông không biết và cũng không nhận tiền của ông S. Nay, ông S khởi kiện yêu cầu ông và bà T trả cho ông S 200.000.000đồng tiền gốc và 18.000.000đồng tiền lãi thì ông không đồng ý cùng bà T trả số tiền trên cho ông S. Việc bà T nhận tiền của ông S ông không có liên quan nên bà T phải có trách nhiệm trả số tiền trên cho ông S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn bà Nguyễn Như T, ông Trương Quang P có nơi cư trú tại Tổ 14, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi thụ lý vụ án về tranh chấp “Đòi lại tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm” theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Trọng S là đúng thẩm quyền theo quy định tại các điều 26, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Tòa án đã triệu tập họp lệ bị đơn tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do; người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng

cứ có trong hồ sơ vụ án, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tại đơn khởi kiện đề ngày 04-4-2018, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 23-4-2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Trọng S và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Ông S và vợ chồng bà Nguyễn Như T, ông Trương Quang P là chỗ bạn bè khi còn học phổ thông. Do ông S là người tàn tật và phải đi làm ăn ở Thành phố Hồ Chí Minh nên có đưa tiền cho bà Nguyễn Như T nhiều lần, với tổng số tiền là 250.000.000đồng để nhờ bà T đi làm thủ tục tách thửa đất, xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà đối với căn nhà số 131/39 H, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi và nhờ bà T mua 01 lô đất giá 165.000.000đồng. Mặc dù đã nhận tiền của ông S nhưng bà T không thực hiện các công việc trên. Ông S cho rằng bà T có hành vi lừa đảo nên đã tố cáo đến Công an thành phố Q, nhưng qua xác minh, làm việc, Công an thành phố Q xác định vụ việc giữa ông S và bà T là quan hệ dân sự.

[4] Căn cứ công văn số 1131/ĐTTH ngày 12-10-2018 của Công an thành phố Q và trình bày của các bên đương sự, có căn cứ xác định bà Nguyễn Như T có nhận của ông Lê Trọng S tổng số tiền là 250.000.000đồng để mua đất và làm các thủ tục về quyền sử dụng đất cho ông S nhưng không thực hiện. Tuy nhiên, trong quá trình làm việc tại Công an thành phố Q thì bà T đã trả cho ông S 80.000.000đồng nên chỉ còn nợ ông S số tiền 170.000.000đồng. Do đó, bà Nguyễn Như T phải có trách nhiệm trả lại số tiền trên cho ông S.

[5] Việc bà Nguyễn Như T nhận tiền của ông S như đã nêu trên thì ông Trương Quang P hoàn toàn không biết, bà T cũng không sử dụng số tiền đã nhận của ông S cho nhu cầu thiết yếu của vợ chồng. Do đó, trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Trọng S yêu cầu ông P phải cùng với bà T trả số tiền trên cho ông là không phù hợp, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6] Đối với yêu cầu về tiền lãi, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc ông Lê Trọng S giao tiền cho bà Nguyễn Như T để nhờ bà T nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và làm giấy tờ về quyền sử dụng đất là giao dịch dân sự. Khi thỏa thuận về vấn đề này các bên không có thỏa thuận về việc bà T phải trả lãi trên số tiền đã nhận của ông S nếu không thực hiện được công việc mà ông S nhờ. Do đó, việc ông S yêu cầu bà T trả tiền lãi trên số tiền đã nhận của ông S là không có căn cứ. Tuy nhiên, tại bản tự khai ngày 08-5-2018 bà Nguyễn Như T đồng ý trả cho ông S 170.000.000đồng tiền gốc và đồng ý trả 18.000.000đồng tiền lãi theo yêu cầu của ông S trong đơn khởi kiện. Việc bà T đồng ý trả 18.000.000đồng tiền lãi cho ông S là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Như vậy, bà Nguyễn Như T phải có nghĩa vụ trả cho ông Lê Trọng S tổng số tiền là 188.000.000đồng, trong đó: Tiền gốc là 170.000.000đồng và tiền lãi là 18.000.000đồng.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Như T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là: 188.000.000đồng x 5% = 9.400.000đồng. Ông Lê Trọng S không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông Lê Trọng S.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự

năm 2015; các điều 166, 170 và 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Trọng S.

Buộc bà Nguyễn Như T phải có nghĩa vụ trả cho ông Lê Trọng S tổng số tiền là 188.000.000đồng (một trăm tám mươi tám triệu đồng), trong đó: Tiền gốc là 170.000.000đồng (một trăm bảy mươi triệu đồng), tiền lãi là 18.000.000đồng (mười tám triệu đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Trọng S về việc buộc ông Trương Quang P cùng có nghĩa vụ trả lại tài sản với bà Nguyễn Như T.

3. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành đủ số tiền phải thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong.

4. Về án phí:

Bà Nguyễn Như T phải chịu 9.400.000đồng (chín triệu bốn trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Trọng S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Lê Trọng S 5.450.000đồng (năm triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông S đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002197 ngày 26-4-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Quảng Ngãi;
- Chi Cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Phong